

THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC — GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 393-NĐ-LB ngày 28-8-1956 thành lập trường trung cấp Thủy lợi và Kiến trúc trực thuộc Bộ Thủy lợi và Kiến trúc.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chiếu nghị quyết của Quốc hội ngày 20 tháng 9 năm 1955 thành lập Bộ Thủy lợi và Kiến trúc;

Chiếu Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ đặt các trường chuyên nghiệp dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Bộ sở quan;

Chiếu Thông tư số 2183-PC ngày 4-6-1956 của Thủ tướng Chính phủ cho mở các trường trung cấp chuyên nghiệp để đào tạo cán bộ chuyên môn,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.— Nay thành lập trường trung cấp Thủy lợi và Kiến trúc trực thuộc Bộ Thủy lợi và Kiến trúc.

Điều 2.— Nhiệm vụ của trường là đào tạo cán bộ chuyên nghiệp cho ngành Thủy lợi và Kiến trúc có trình độ văn hóa và kỹ thuật trung cấp, có đủ hiểu biết về chính trị, và có đủ sức khỏe để làm tròn nhiệm vụ của một cán bộ kỹ thuật trung cấp.

Điều 3.— Trường có hai chương trình học: Chương trình hai năm và chương trình ba năm. Chương trình hai năm gồm có các ngành chuyên nghiệp sau đây:

- Thủy nông;
- Xây dựng nhà cửa dân dụng, xi nghiệp;
- Kiến trúc;
- Trang bị vệ sinh, cống rãnh;
- Trang bị điện.

Chương trình ba năm gồm có các ngành chuyên nghiệp sau đây:

- Thủy nông;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng các trạm bơm, trạm phát điện;
- Xây dựng nhà cửa dân dụng, xi nghiệp;
- Kiến trúc;
- Trang bị vệ sinh, cống rãnh;
- Trang bị điện.

Điều 4.— Trường do một Hiệu trưởng điều khiển, và có hai Hiệu phó. Hiệu trưởng và Hiệu phó hợp thành Ban Giám hiệu. Bộ có thể tùy nhu cầu cử thêm cán bộ vào Ban Giám hiệu.

Giúp Ban Giám hiệu có ba phòng, mỗi phòng do một Trưởng phòng điều khiển.

— Phòng Hành chính quản trị phụ trách văn thư, quản trị kế toán cung cấp, y tế, ăn uống v.v...

— Phòng Tổ chức nhân sự phụ trách theo dõi học sinh, cán bộ công nhân viên, chế độ lương bổng, khen thưởng, kỷ luật.

— Phòng Giáo vụ phụ trách chương trình kế hoạch và phương pháp giảng dạy, phân phối giảng viên, thống kê giảng dạy và kết quả học tập, thí nghiệm, thư viện v.v...

Điều 5.— Đề góp ý kiến với Ban Giám hiệu về mặt lãnh đạo quản trị và giáo dục có một Hội đồng nhà trường. Thành phần Hội đồng do Ban Giám hiệu đề nghị Bộ duyệt.

Điều 6.— Chế độ học tập và chế độ giảng dạy của trường sẽ theo quy chế chung của các trường chuyên nghiệp trung cấp.

Điều 7.— Các ông Chánh văn phòng Bộ Thủy lợi Kiến trúc, Bộ Giáo dục, ông Giám đốc Vụ Đại học và chuyên nghiệp, ông Hiệu trưởng trường Trung cấp Thủy lợi Kiến trúc chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 28 tháng 8 năm 1956

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN-VĂN-HUYỀN

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi
và Kiến trúc
TRẦN-ĐĂNG-KHOA

**NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM —
THƯƠNG NGHIỆP**

THÔNG TƯ số 03-TT-LB ngày 18-7-1956
về thể lệ quản lý tiền mặt của các Tổng
công ty mậu dịch quốc doanh

Đề chấp hành nghị định số 169-TTg ngày 1-5-1952 và thông tư số 622-TTg ngày 27-11-1955 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tiền mặt, Liên bộ Thương nghiệp và Ngân hàng Quốc gia quy định biện pháp thực hiện việc quản lý tiền mặt đối với các Tổng công ty các Công ty Mậu dịch quốc doanh theo các điều, mục sau đây:

MỤC I

**MỞ TÀI KHOẢN VÀ TẬP TRUNG TIỀN MẶT
VÀO NGÂN HÀNG**

Điều 1.— Các Tổng công ty, các Công ty Mậu dịch quốc doanh đều phải mở tài khoản gửi tiền mặt và séc vào Ngân hàng.

Điều 2.— Tiền bán hàng hàng ngày của các công ty, của các cửa hàng Mậu dịch quốc doanh phải nộp tiền mặt vào Ngân hàng, không được giữ tại quỹ quá mức đã định.

Điều 3.— Để tránh tình trạng tiền ứ đọng nhiều tại quỹ các cửa hàng, chi nhánh Ngân hàng

và Công ty Mậu dịch quốc doanh địa phương căn cứ vào tình hình thực tế từng cửa hàng mà quy định ngày nộp tiền và mức tiền phải nộp.

Điều 4. — Các cửa hàng Mậu dịch quốc doanh trực tiếp nhận tiền của khách hàng, sắp xếp và đóng gói theo thể thức của Ngân hàng đã quy định. Căn cứ vào lịch nộp tiền, cửa hàng đem đến Ngân hàng nộp thẳng vào tài khoản của công ty hoặc nộp về công ty để công ty tập trung vào Ngân hàng.

Điều 5. — Khi các công ty, các cửa hàng Mậu dịch quốc doanh đem tiền đến nộp, Ngân hàng phải đảm bảo đếm nhận đầy đủ và nhanh chóng, chậm lắm là nội nhật ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải nhận xong để kịp thời ghi vào tài khoản của công ty, trừ trường hợp cửa hàng, công ty đem nộp không đúng lịch.

Điều 6. — Khi có những món tiền nộp quá lớn hoặc nộp bất thường không ghi trong lịch, Ngân hàng xét theo khả năng đếm nhận không kịp thì lập biên bản nhận theo báo và thép để kịp ghi vào tài khoản cho công ty, sau đó phải tiếp tục đếm nhận đầy đủ. Nếu đến cuối ngày đếm chưa hết phải cho vào hôm hay tủ khóa lại và niêm phong để hôm sau đếm tiếp.

Điều 7. — Khi đếm nhận, cửa hàng hay công ty phải có người chứng kiến; nếu xảy ra thừa thiếu, công ty phải chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 8. — Hàng tháng các công ty Mậu dịch quốc doanh phải có kế hoạch bán hàng gửi trước cho Ngân hàng ghi rõ khối lượng hàng và số tiền dự thu trong tháng để Ngân hàng đặt kế hoạch và bố trí tổ chức đếm nhận.

MỤC II

THANH TOÁN CHUYỂN KHOẢN VÀO CHUYỂN TIỀN

Điều 9. — Mọi khoản giao dịch mua bán giữa các Tổng công ty, các công ty với các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước hay giữa các Tổng công ty, các công ty với nhau đều phải thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng. Không được cho nhau vay mượn, trả nợ, thanh toán bằng tiền mặt.

Điều 10. — Mọi việc điều động vốn của các Tổng công ty, các công ty từ tỉnh này qua tỉnh khác, từ trung ương xuống địa phương hay ngược lại đều phải qua Ngân hàng. Ở những tỉnh mà Ngân hàng không có kho phát hành, các Tổng công ty, các công ty được chuyển vận tiền mặt đến nơi đó hoặc từ nơi đó đi tỉnh khác nhưng đến nơi phải gửi ngay vào Ngân hàng địa phương để rút dần ra chi tiêu theo kế hoạch.

Điều 11. — Hàng tháng các Tổng công ty phải có kế hoạch điều động vốn cho từng địa phương để Ngân hàng trung ương lập kế hoạch điều chuyển tiền mặt, nếu không Ngân hàng trung ương chủ có thể nhận chuyển tiền tùy theo khả năng của kho phát hành địa phương.

Điều 12. — Ngân hàng phải đảm bảo thanh toán ngay các khoản xi tiền thanh toán bằng chuyển khoản, chậm lắm là ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) đã ghi xong vào tài khoản và làm giấy báo gửi cho các đơn vị sở quan biết.

Điều 13. — Mỗi khi các Tổng công ty, các công ty xin trích tài khoản hoặc đem tiền mặt đến xin chuyển tiền, Ngân hàng phải làm xong các thủ tục giấy tờ chậm lắm là hết ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải gửi xong giấy chuyển tiền đi.

Khi nhận được giấy chuyển tiền đến cho các Tổng công ty, các công ty, Ngân hàng phải ghi ngay vào tài khoản cho cơ quan được hưởng, chậm lắm nội nhật ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải gửi giấy báo cho cơ quan sở quan biết.

Trường hợp số tiền đưa đến quá lớn, Ngân hàng sẽ nhận theo sự quy định ở điều 7, mục 1 để kịp thời làm các thủ tục giấy tờ chuyển tiền.

MỤC III

RÚT TIỀN MẶT VÀ MỨC TIỀN GIỮ TẠI QUỸ

Điều 14. — Căn cứ vào số tiền tồn khoản của mỗi công ty các Chi nhánh Ngân hàng phải đảm bảo cấp phát tiền mặt cho các công ty thực hiện kế hoạch thu mua nông lâm sản phẩm và các sản phẩm khác của nhân dân đồng thời phải kiểm tra và theo dõi việc sử dụng tiền mặt, có hợp lý và đúng theo kế hoạch thu mua.

Điều 15. — Hàng tháng các Tổng công ty, các công ty phải lập kế hoạch thu chi về mua hàng, bán hàng và các khoản thu chi khác có phân tách phần tiền mặt và phần chuyển khoản và căn cứ vào đây lập lịch rút tiền có chia ra tuần kỳ 10 ngày một.

Điều 16. — Các Tổng công ty, các công ty được giữ tại quỹ một số tiền mặt đủ chi dùng từ 3 đến 7 ngày. Các công ty và Ngân hàng địa phương căn cứ vào kế hoạch chi và tình hình chi tiêu thực tế của mỗi cửa hàng mà ấn định mức cho hợp lý. Mức giữ tại quỹ cho mỗi công ty phải được Ủy ban Hành chính tỉnh thông qua.

Điều 17. — Ngân hàng có nhiệm vụ theo dõi kiểm tra tồn quỹ của các công ty và cửa hàng. Trường hợp số tiền giữ tại quỹ lớn quá mức đã quy định, Ngân hàng phải đôn đốc nộp. Khi đã đôn đốc nộp mà công ty, cửa hàng không chịu thực

hiện, Ngân hàng sẽ lập biên bản báo cáo lên trên (Ủy ban Hành chính tỉnh, Ngân hàng trung ương, Tổng công ty sở quan).

Điều 18. — Các Công ty có trách nhiệm theo dõi mức tồn quỹ của các cửa hàng và đôn đốc nộp tiền vào Ngân hàng hoặc kịp thời làm giấy xin rút tiền mặt để tiếp quỹ cho các cửa hàng.

Điều 19. — Khi có những khoản chi tiêu lớn bất thường ngoài dự trù, phải có sự thỏa thuận của Ngân hàng mới được rút tiền mặt, nhất thiết không được dùng tiền mặt mới thu vào để chi ra không qua Ngân hàng.

Điều 20 — Hàng tháng Ngân hàng phải gửi cho các Tổng công ty, các Công ty bản sao kê tài khoản để tiện cho việc theo dõi tình hình thu chi.

MỤC IV

THỜI HẠN LẬP VÀ GỬI KẾ HOẠCH

Điều 21. — Thời hạn lập và gửi kế hoạch cho Ngân hàng quy định như sau :

1. — Các Tổng công ty phải gửi đến Ngân hàng trung ương :

a) Kế hoạch thu chi từng quý và hàng tháng của toàn ngành gồm có :

- Kế hoạch bán hàng
- Kế hoạch thu mua
- Kế hoạch thu chi

b) Kế hoạch điều động vốn hàng tháng của toàn ngành.

Kế hoạch từng quý gửi vào tuần kỳ thứ 3 của tháng cuối quý trước.

Kế hoạch hàng tháng gửi trước 2 ngày mỗi tháng.

2. — Các Công ty phải gửi đến Ngân hàng địa phương :

a) Kế hoạch thu chi hàng tháng của Công ty gồm :

- Kế hoạch bán hàng
- Kế hoạch thu mua
- Kế hoạch thu chi

b) Lịch rút tiền mặt

— Kế hoạch và lịch rút tiền gửi trước 2 ngày mỗi tháng.

Điều 22. — Ngân hàng phải đảm bảo giữ bí mật cho các kế hoạch thu mua và bán hàng của Mậu dịch quốc doanh.

Điều 23. — Chế độ quản lý tiền mặt là một pháp lệnh của Chính phủ. Các Tổng công ty, các công ty Mậu dịch quốc doanh và các Chi nhánh Ngân hàng có trách nhiệm thi hành và coi đó là một kỷ luật tài chính.

Để cho việc thi hành thông tư này được thích hợp với tình hình nghiệp vụ, Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng trung ương sẽ ra chỉ thị quy định những biện pháp cụ thể áp dụng những nguyên tắc đã nêu lên.

Các Tổng công ty, các Công ty Mậu dịch quốc doanh và các Chi nhánh Ngân hàng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Hành chính thành, tỉnh đặt kế hoạch cụ thể sát với hoàn cảnh từng nơi, từng Công ty đề ra nội quy công tác chi tiết được Ủy ban Hành chính địa phương thông qua.

Hà-nội, ngày 18 tháng 7 năm 1956

Tổng Giám đốc Ngân hàng

Quốc gia Việt-nam

LÊ-VIẾT-LƯỢNG

Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp

PHAN-ANH

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

THÔNG TƯ số 04-TT-LB ngày 15-11-1956
về thể lệ quản lý tiền mặt của các đơn vị giao thông vận tải Bưu điện.

Để chấp hành nghị định số 169-TTg ngày 1-5-1952 và thông tư số 622-TTg ngày 27-11-1955 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tiền mặt, Liên Bộ Giao thông và Bưu điện — Ngân hàng Quốc gia quy định biện pháp thực hiện việc quản lý tiền mặt đối với Tổng cục, Cục, Nha, Sở và các đơn vị trực thuộc, theo các điều mục sau đây :

MỤC I

MỞ TÀI KHOẢN VÀ TẬP TRUNG TIỀN MẶT VÀO NGÂN HÀNG

Điều 1. — Các đơn vị trực thuộc Tổng cục đường sắt, Tổng cục bưu điện, Cục vận tải đường thủy, Nha giao thông, có dự toán kinh phí riêng như các phòng, ty, tổng đội, chi nhánh, xưởng, đoàn, cảng, trường; bệnh viện, nhà ga, công trường, v.v... đều phải mở tài khoản gửi kinh phí và tập trung tiền mặt, séc vào Ngân hàng địa phương.

Các đơn vị ở xa Ngân hàng trên 100 cây số, đường đi lại khó khăn không phải mở tài khoản gửi tiền tại Ngân hàng.

Điều 2. — Các đơn vị có thu nhập tiền mặt hay séc hàng ngày phải nộp tất cả số tiền mặt và séc đã thu được vào Ngân hàng, không được giữ tiền mặt tại quỹ quá mức đã định.